

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2019

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Quyết.

2. Ông Chu Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sầm Đức Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mông Văn Du - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị N. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Trường CdSpCB, tỉnh Cao Bằng (Km4, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng).

2. Bị đơn: Anh Thẩm Minh Đ. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/12/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị N trình bày: Chị sống chung như vợ chồng với anh Thẩm Minh Đ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị nhiều lần đề nghị cả hai đi đăng ký kết hôn nhưng anh Đ đều từ chối.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên là Thẩm Duy M, sinh ngày 18/01/201x, hiện nay con đang sống và học cùng chị tại thành phố Cao Bằng. Đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm, không chu cấp tiền cho vợ con, thỉnh thoảng anh Đ còn dùng vũ lực đánh và có lời lẽ xúc phạm đến chị. Vì vậy vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến tháng 3 năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn, nhưng qua hòa giải, anh Đ có ý muốn đoàn tụ và hứa sẽ đi đăng ký kết hôn, nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm này anh Đ vẫn không quan tâm, chia sẻ khó khăn với vợ con và cũng không tiến hành đăng ký kết hôn như lời anh hứa. Do mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đ. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019, anh Đ xác nhận những vấn đề về tình cảm, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung và các khoản nợ như chị N trình bày là đúng. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh Đ nhất trí. Tuy nhiên, anh yêu cầu được nuôi con chung, vì hiện nay chị N chưa có nhà cửa ổn định, anh Đ nuôi sẽ đảm bảo cho con được phát triển tốt hơn và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N kiên quyết dành quyền nuôi con, anh Đ đề nghị không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh, vì cả hai đều có điều kiện.

Tại phiên tòa:

Chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ trình bày: Hiện nay thu nhập của anh cao hơn chị N, ở nhà vẫn còn tài sản đảm bảo cho cuộc sống của con; ở gần cơ quan có nhiều anh em có thể giúp đưa đón con những lúc anh bận việc, là con trai nên phải theo bố. Vì vậy sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Nếu chị N kiên quyết dành quyền nuôi con, anh đề nghị không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh, việc cho tiền anh sẽ trực tiếp đưa cho con.

Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận chị N và anh Đ là vợ chồng; Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, buộc anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ; Chị N và anh Đ mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị N yêu cầu được ly hôn anh Thẩm Minh Đ, dành quyền nuôi con và buộc anh Đ cấp dưỡng theo quy định. Vì vậy, đây

là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị N và anh Thẩm Minh Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Mặt khác, theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Như vậy, việc sống chung giữa chị Nông Thị N và anh Thẩm Minh Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ nhỏ cháu Thẩm Duy M đã sống và học tập cùng chị N tại thành phố Cao Bằng, môi trường có nhiều điều kiện phát triển mọi mặt cho cháu M, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến việc học và sinh hoạt của cháu. Hiện nay, cháu M có dấu hiệu rối loạn phát triển (có xác nhận của Bệnh viện Nhi Trung ương), cần có người hiểu tâm lý và nhận biết những biểu hiện bất thường của cháu để kịp thời khắc phục, mà chị N đã sống với con từ nhỏ, lại là giáo viên sư phạm nên phù hợp để nuôi cháu Thẩm Duy M. Mặt khác hiện nay anh Đ cũng một mình tạm trú tại nhà công vụ Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, với đặc thù công việc có thể phát sinh cả lúc đêm khuya, nếu giao con cho anh nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho việc phát triển mọi mặt của cháu. Từ những phân tích và nhận định trên đây, cần giao cháu Thẩm Duy M, sinh ngày 18/01/2013 cho chị N nuôi dưỡng và buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Xét thu nhập hiện nay của anh Đ và các chi phí thiết yếu hằng ngày của cháu Thẩm Duy M, cần buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ là phù hợp, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung và các khoản nợ*: Các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp đủ; Anh Thẩm Minh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 58, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Nông Thị N và anh Thẩm Minh Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Thẩm Duy M, sinh ngày 18/01/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có Quyết định, Bản án khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ, xác nhận chị N đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang; Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nông Văn Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chu Văn Đạt – Hoàng Văn Quyết

Nông Văn Tùng